

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CTN2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067101003 - X c su t th ng k² H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3672011104	36CTN2	Nguy n Ho ã ng Anh	20/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
2	3672011548	36CTN2	Nguy n Th i B o	19/12/1994				3.0	0.0		1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	CT
3	3672011033	36CTN2	H Th Bích	29/11/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	8.0	5.6	6.7	
4	3672011844	36CTN2	Nguy n Thanh Ca	15/01/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
5	3672011005	36CTN2	Nguy n Th C m	19/03/1993				3.0	1.0		2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
6	3672011537	36CTN2	Tr n Nguy ² n C n	23/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3672011251	36CTN2	V H V ã Ch ng	10/09/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
8	3672012056	36CTN2	Ph m Th H ° a Dâng	16/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
9	3672010813	36CTN2	Tr n Ng c Di m	28/09/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	7.0	4.9	5.8	
10	3672010987	36CTN2	Tr ng Th Di m	01/08/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	7.0	4.9	6.0	
11	3672011043	36CTN2	Nguy n Th M Duyên	28/06/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
12	3672011068	36CTN2	Nguy n Xu ^a n ã ²	05/11/1994				3.0	1.0		2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
13	3672011084	36CTN2	Ng ã ã i ã i n	16/06/1993				3.0	4.0		3.5	1.1	5.0	3.5	4.6	
14	3672011013	36CTN2	Tr n V ã ã nh	30/10/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
15	3672011878	36CTN2	Nguy n Minh ã c	06/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
16	3672011215	36CTN2	Phan V ã ã c	13/07/1994				2.0	4.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
17	3672011101	36CTN2	Võ Hoàng Giang	08/02/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
18	3672010972	36CTN2	Nguy n Th Ng c Giàu	17/05/1987				4.0	2.0		3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
19	3672010824	36CTN2	Nguy n V ã Giàu	26/06/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	4.5	3.2	4.2	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CTN2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101003 - X ấ c su t th ng k ấ H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3672010930	36CTN2	Nguy n Th Ng c H ấ n	02/08/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	5.5	3.9	4.9	
21	3672011532	36CTN2	Ch ấ u Thanh H ng	08/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
22	3672011075	36CTN2	V ồ Ho ầ ng Huy	23/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
23	3672010898	36CTN2	L ấ Th Ng c Huy n	15/09/1994				4.0	1.0		2.5	0.8	4.0	2.8	3.6	
24	3672011886	36CTN2	M ấ i Xu ầ n Huy n	20/10/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	6.0	4.2	5.3	
25	3672010833	36CTN2	Nguy n Ph ấ c Khang	05/08/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	1.0	0.7	1.8	
26	3672010665	36CTN2	Tr n M ấ nh Kh ng	12/08/1994				2.0	1.0		1.5	0.5	5.0	3.5	4.0	
27	3672011031	36CTN2	L ấ Thi n Ho ầ ng L ầ n	29/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
28	3672011592	36CTN2	B ấ i Th Tuy t M ấ nh	05/11/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	7.0	4.9	6.3	
29	3672010760	36CTN2	Nguy n Th M	16/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
30	3672010661	36CTN2	L ấ Th Nga	15/12/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
31	3672010748	36CTN2	Nguy n Th B ấ ch Ng c	16/01/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
32	3672011485	36CTN2	Ph ầ n Th Thanh Nh ầ n	07/04/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
33	3672011869	36CTN2	Hu ầ nh M ấ nh Nh ầ n	10/03/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	8.0	5.6	7.3	
34	3672011884	36CTN2	L ấ Ph m Th ấ y Nhi	28/09/1993				3.0	4.0		3.5	1.1	9.0	6.3	7.4	
35	3672010854	36CTN2	Nguy n Th Y n Nhi	10/06/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	5.0	3.5	4.6	
36	3672011583	36CTN2	Nguy n B ấ Ph ấ t	05/05/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
37	3672010860	36CTN2	T ấ ng Thanh Phi	13/06/1994				7.0	5.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
38	3672011542	36CTN2	Nguy n T n Quang	20/12/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	5.5	3.9	4.9	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CTN2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067101003 - X c su t th ng k² H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3672011941	36CTN2	ñ Minh	Qu c	29/01/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
40	3672010652	36CTN2	Thi Thu	Sang	04/11/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	5.0	3.5	4.6	
41	3672010850	36CTN2	Nguy n H u	Tài	02/03/1994				5.0	1.0		3.0	0.9	6.5	4.6	5.5	
42	3672011277	36CTN2	Tr n T n	Tài	09/04/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
43	3672010839	36CTN2	H Quy t	Ti n	20/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
44	3672010958	36CTN2	L ² ã c	Tu	02/02/1994				5.0	1.0		3.0	0.9	7.0	4.9	5.8	
45	3672010721	36CTN2	L Th Kim	Tuy n	18/08/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	8.0	5.6	6.7	
46	3672011490	36CTN2	Nguy n ã nh	Tuy n	07/08/1993				3.0	3.0		3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	
47	3672010782	36CTN2	Nguy n Phan S n	Tùng	15/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
48	3672010809	36CTN2	Nguy n Thanh	Tú	30/11/1994				2.0	1.0		1.5	0.5	5.5	3.9	4.3	
49	3672010908	36CTN2	Tr n Phan Minh	Tú	01/07/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
50	3672010946	36CTN2	Nguy n T n	Thành	13/08/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
51	3672010925	36CTN2	Mai ã c	Thi u	20/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
52	3672010726	36CTN2	VH ½ c	Thông	16/04/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
53	3672011262	36CTN2	V ½ Th	Thùy	15/01/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	7.5	5.3	6.3	
54	3672011259	36CTN2	Giang Y n	Trang	25/05/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
55	3672011072	36CTN2	Nguy n Th Tuy t	Trinh	28/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
56	3672010768	36CTN2	Hu nh H u	Trí	25/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
57	3672011004	36CTN2	Ng» Ng c Thanh	Trúc	05/11/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CTN2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấT : H c ph n : 122067101003 - X c su t th ng k² H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3672010671	36CTN2	Nguy n Th C m V n	30/04/1994				3.0	1.0		2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
59	3672011049	36CTN2	L ² Th Vĩ	13/09/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	5.5	3.9	4.9	
60	3672010687	36CTN2	Nguy n Qu c Vĩ t	01/04/1994				3.0	1.0		2.0	0.6	4.0	2.8	3.4	
61	3672010871	36CTN2	H Qu c V ng	20/02/1992				4.0	3.0		3.5	1.1	0.0	0.0	1.1	N HP
62	3672011026	36CTN2	M ch Huy V ng	07/10/1994				5.0	3.0		4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
63	3672011270	36CTN2	V ^½ Th Th ^¾ Vy	24/05/1994				4.0	1.0		2.5	0.8	7.5	5.3	6.0	
64	3672012004	36CTN2	Tr ng M Xuyên	1993				5.0	1.0		3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	

T ng s : 64 h c sinh sinh vĩ n
Tr ng Khoa Gi o Vĩ² n B M»n Tp.HCM, ngày / /
Gi o V Khoa